

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.

- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Ngô Văn Cơ

2. Bà Lâm Thị Tám

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Đăng - Thư ký Toà án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 05 năm 2020 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐ-ST, ngày 07/07/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Sơn Thị Tuyết L, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 138, quốc lộ 1A, ấp Đay S, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- ***Bị đơn:*** Ông Tô Thành T, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 54, ấp Đào V, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

* Con chung trên 7 tuổi: Cháu Tô Sơn Hoàng T, sinh ngày 05/11/2012.

Địa chỉ: Số 138, quốc lộ 1A, ấp Đay S, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/04/2020, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Sơn Thị Tuyết L trình bày:* Vào năm 2011 bà và ông T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2015 tại UBND xã Thạnh Q. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau cũng hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn lý do là bất đồng quan điểm, tính tình không còn hợp nhau, ông T **không** lo làm ăn mà lo bài bạc, đá gà, không có trách nhiệm với gia

đình, vợ con và vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được vì bà không còn tình cảm với ông T nữa nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu **cháu** Tô Sơn Hoàng T, sinh ngày 05/11/2012, hiện nay đang sống với bà L. Nay về con chung bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không nợ ai tài sản gì.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 01/06/2020 bị đơn ông Tô Thành T trình bày:* Ông thừa nhận về thời gian, thủ tục kết hôn cũng như về con chung, tài sản chung, nợ chung đều đúng như bà L đã trình bày. Thời gian đầu vợ chồng sống cũng hạnh phúc nhưng được khoảng 09 năm thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn lý do là ông dễ mất lòng tin với vợ. Nay bà L **yêu cầu** ly hôn ông không đồng ý vì còn thương vợ con **và mâu thuẫn vợ chồng không lớn**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Tô Thành T theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

- *Về hôn nhân:*

Bà Sơn Thị Tuyết L và ông Tô Thành T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết **hôn số 155 ngày 28/8/2015** theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay không hàn gắn lại được.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông T và bà L không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, ông T không lo làm ăn mà lo bài bạc, đá gà, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận theo quy định **tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình**.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, ông T và bà L đã có với **nhau 01** con chung là cháu **Cháu** Tô Sơn Hoàng T, sinh ngày 05/11/2012, hiện

nay đang sống với bà L. Nay về con chung bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay cháu T sống chung với bà L và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ là bà L. Do đó cần tiếp tục để cháu T được sống chung với mẹ và giao cháu T cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho bà L được ly hôn với ông T. Về con chung giao cho bà Lành được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Tô Sơn Hoàng T, sinh ngày 05/11/2012 đến tuổi trưởng thành. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng: bà L không yêu cầu cấp dưỡng, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy ý kiến và yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên là có căn cứ vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Tuyết L.

- Về hôn nhân: Bà Sơn Thị Tuyết L được ly hôn với ông Tô Thành T.

- Về con chung: Bà L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Tô Sơn Hoàng T, sinh ngày 05/11/2012 đến tuổi

trưởng thành. Dành quyền thăm nom con cho ông T không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lành phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000287, ngày 07/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà Lành đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn T thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải